

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GÓC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ ĐỢT 5 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ quản lý nhà nước về báo chí đợt 5 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 954-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ quản lý nhà nước về báo chí.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 13/9/2025 đến ngày 11/10/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Nguyễn Văn Biều	07.7.1986	Thái Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004873	NVQLNNBC5/2025.01	
2	Phạm Thị Chiên	27.01.1972	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004874	NVQLNNBC5/2025.02	
3	Lưu Đức Điệp	25.5.1982	Hưng Yên	Nam	Kinh	HBT/BD 004875	NVQLNNBC5/2025.03	
4	Bùi Hữu Đức	24.02.1970	Hà Giang	Nam	Kinh	HBT/BD 004876	NVQLNNBC5/2025.04	
5	Nguyễn Thị Thu Dung	04.8.1969	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004877	NVQLNNBC5/2025.05	
6	Vũ Chí Dũng	25.3.1970	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004878	NVQLNNBC5/2025.06	
7	Lê Hoàng Dũng	25.8.1977	Tây Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 004879	NVQLNNBC5/2025.07	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
8	Phan Ngọc Quỳnh Giao	15.11.2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004880	NVQLNNBC5/2025.08	
9	Hoàng Mai Hà	10.6.1980	Nam Định	Nam	Kinh	HBT/BD 004881	NVQLNNBC5/2025.09	
10	Nguyễn Văn Hải	23.11.1974	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	HBT/BD 004882	NVQLNNBC5/2025.10	
11	Phạm Thị Thu Hiền	28.10.1989	Cần Thơ	Nữ	Kinh	HBT/BD 004883	NVQLNNBC5/2025.11	
12	Đoàn Thị Phương Hoa	12.9.1985	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004884	NVQLNNBC5/2025.12	
13	Đào Thị Lan Hương	16.8.1987	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004885	NVQLNNBC5/2025.13	
14	Nguyễn Thị Thu Hương	02.4.1978	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BD 004886	NVQLNNBC5/2025.14	
15	Nguyễn Đức Hữu	22.11.1976	Quảng Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 004887	NVQLNNBC5/2025.15	
16	Nguyễn Thanh Huyền	25.7.2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	HBT/BD 004888	NVQLNNBC5/2025.16	
17	Bùi Thành Khoa	21.10.1987	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 004889	NVQLNNBC5/2025.17	
18	Lê Đắc Lâm	23.8.1985	Bắc Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 004890	NVQLNNBC5/2025.18	
19	Triệu Thanh Lê	04.5.1982	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004891	NVQLNNBC5/2025.19	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
20	Huỳnh Hoàng Mến	15.12.1976	Cần Thơ	Nam	Kinh	HBT/BD 004892	NVQLNNBC5/2025.20	
21	Hoàng Văn Phú	12.02.1980	Lào Cai	Nam	Kinh	HBT/BD 004893	NVQLNNBC5/2025.21	
22	Phạm Minh Phúc	25.9.1978	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004894	NVQLNNBC5/2025.22	
23	Nguyễn Ngọc Quý	14.12.1987	Quảng Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 004895	NVQLNNBC5/2025.23	
24	Lưu Văn Quyết	29.5.1980	Nam Định	Nam	Kinh	HBT/BD 004896	NVQLNNBC5/2025.24	
25	Nguyễn Đình Sơn	05.10.1982	Quảng Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 004897	NVQLNNBC5/2025.25	
26	Nguyễn Ngọc Tâm	05.12.1978	Cần Thơ	Nam	Kinh	HBT/BD 004898	NVQLNNBC5/2025.26	
27	Nguyễn Thị Hồng Tâm	06.11.1981	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004899	NVQLNNBC5/2025.27	
28	Vũ Đức Thành	16.10.1983	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004900	NVQLNNBC5/2025.28	
29	Đặng Thị Thanh Thảo	24.10.1981	Ninh Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004901	NVQLNNBC5/2025.29	
30	Huỳnh Ngọc Thu	08.3.1976	Đà Nẵng	Nam	Kinh	HBT/BD 004902	NVQLNNBC5/2025.30	
31	Phạm Công Trình	09.11.1974	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	HBT/BD 004903	NVQLNNBC5/2025.31	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
32	Nguyễn Sỹ Trung	16.01.1972	Thái Nguyên	Nam	Kinh	HBT/BD 004904	NVQLNNBC5/2025.32	
33	Nguyễn Anh Tuấn	28.7.1977	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	HBT/BD 004905	NVQLNNBC5/2025.33	
34	Hồ Thị Bảo Uyên	04.10.1981	Tiền Giang	Nữ	Kinh	HBT/BD 004906	NVQLNNBC5/2025.34	

Tổng số: 34 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang